

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/33

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Sân bay Gia Lâm cuối mạng cấp

Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh

Số lượng mẫu : 01

Ngày nhận mẫu : 24/10/2023

Ngày phân tích : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	7,23	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,32	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7.(*)	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8.(*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/32

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Sân bay Gia Lâm đầu mạng cấp  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 24/10/2023  
**Ngày phân tích** : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	6,97	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,32	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

**Ghi chú:** # - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định  
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QA/QC



**Phạm Thị Trà**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
TRUNG TÂM  
NGHIÊN CỨU  
VÀ CHUYÊN GIAO  
CÔNG NGHỆ  
**Bùi Quang Minh**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2310/31

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Sân bay Gia Lâm  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 24/10/2023  
**Ngày phân tích** : 27/10/2023 đến 03/11/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	7,08	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,31	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC

Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ